

## THƯ MỜI BÁO GIÁ

Gói thầu: May, trang bị quần áo đồng phục cho lao động gián tiếp năm 2024

Kính gửi : Quý Doanh nghiệp

Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh đang có nhu cầu thực hiện gói thầu: May, trang bị quần áo đồng phục cho lao động gián tiếp năm 2024 như bảng dưới đây. Kính mời các Quý Công ty báo giá cho mặt hàng với các yêu cầu sau:

### I. Thông tin yêu cầu báo giá

#### 1. Thông tin hàng hóa

STT	Sản phẩm/Quy cách	Tiêu chuẩn kỹ thuật vải	ĐVT	Số lượng
1	Sơ mi nam dài tay		cái	80
	Màu sắc: Xanh da trời - Kiểu dáng: Cổ đứ có xương cá cố định. Nẹp rời, có 6 cúc trên nẹp + 1 cúc chân cổ. + Thân trước bên trái khi mặc có 1 túi ngực đáy tròn + 1 túi bút nhỏ + Bọc tay tròn, gấu áo đuôi tôm + Thêu logo chữ Quawaco ở ngực trái theo mẫu; kích thước 13.1 X 40.2 mm - Quy cách may: Chỉ may chính, chỉ vắt sổ loại 60/2; mật độ mũi chỉ: 6 mũi/1cm; các đường may thẳng, đều, không quần mép, không tuột đứt chỉ, lại mũi ở đầu và cuối đường may 1cm, các đường mí, diễu thẳng đều, đúng cự ly	- Thành phần nguyên liệu: 48% Polyeste, 52% rayon ( $\pm 2$ ) - Kiểu dệt: vân chéo 3/1 kết hợp vân điềm. - Khối lượng: 158g/m <sup>2</sup> ( $\pm 3$ ) - Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 648; Ngang: 456 ( $\pm 5$ ) - Chỉ số sợi tách từ vải: Dọc(Ne)47,5/1, Ngang(Ne)46,4/1 ( $\pm 2$ ) - Độ bền kéo đứt: Dọc (N)>830; Ngang (N)>595 - Độ bền xé rách: Dọc (N)>24; Ngang (N)>15 - Độ vón rút của vải sau 7200 vòng(cấp) $\geq 4$ - Thay đổi kích thước sau giặt 40 <sup>0</sup> C và làm khô %: Dọc -0.5; Ngang 0 - Ngoại quan của vải sau giặt 40 <sup>0</sup> C và làm khô (cấp): SA-4.0 - Độ bền màu giặt 40 <sup>0</sup> C (cấp) $\geq 4$ - Độ bền màu mồ hôi, axit (cấp) $\geq 4$ - Độ bền màu mồ hôi, kiềm (cấp) $\geq 4$ - Độ bền màu ma sát (cấp) $\geq 4$ - Không có hàm lượng formaldehyt.		



STT	Sản phẩm/Quy cách	Tiêu chuẩn kỹ thuật vải	ĐVT	Số lượng
2	<b>Sơ mi nam ngắn tay</b>		cái	106
	<p>Màu sắc: Xanh da trời</p> <p>- Kiểu dáng: Cổ đực có xương cá cổ định. Nẹp rời, có 6 cúc trên nẹp + 1 cúc chân cổ.</p> <p>+ Thân trước bên trái khi mặc có 1 túi ngực đáy tròn + 1 túi bút nhỏ + Áo gấu bằng, xẻ tà 2 bên</p> <p>+ Thêu logo chữ Quawaco ở ngực trái theo mẫu; kích thước 13.1 X 40.2 mm</p> <p>- Quy cách may: Chỉ may chính, chỉ vắt sổ loại 60/2; mật độ mũi chỉ: 6 mũi/1cm; các đường may thẳng, đều, không quần mép, không tuột đứt chỉ, lại mũi ở đầu và cuối đường may 1cm, các đường mí, đều thẳng đều, đúng cự ly</p>	<p>- Thành phần nguyên liệu: 48% Polyeste, 52% rayon (<math>\pm 2</math>)</p> <p>- Kiểu dệt: vân chéo 3/1 kết hợp vân điểm.</p> <p>- Khối lượng: 158g/m<sup>2</sup> (<math>\pm 3</math>)</p> <p>- Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 648; Ngang: 456 (<math>\pm 5</math>)</p> <p>- Chỉ số sợi tách từ vải: Dọc(Ne)47,5/1, Ngang(Ne)46,4/1 (<math>\pm 2</math>)</p> <p>- Độ bền kéo đứt: Dọc (N)&gt;830; Ngang (N)&gt;595</p> <p>- Độ bền xé rách: Dọc (N)&gt;24; Ngang (N)&gt;15</p> <p>- Độ vón rút của vải sau 7200 vòng(cấp) <math>\geq 4</math></p> <p>- Thay đổi kích thước sau giặt 40<sup>0</sup>C và làm khô %: Dọc -0.5; Ngang 0</p> <p>- Ngoại quan của vải sau giặt 40<sup>0</sup>C và làm khô (cấp): SA-4.0</p> <p>- Độ bền màu giặt 40<sup>0</sup>C (cấp) <math>\geq 4</math></p> <p>- Độ bền màu mồ hôi, axit (cấp) <math>\geq 4</math></p> <p>- Độ bền màu mồ hôi, kiềm (cấp) <math>\geq 4</math></p> <p>- Độ bền màu ma sát (cấp) <math>\geq 4</math></p> <p>- Không có hàm lượng formaldehyt.</p>		
3	<b>Quần âu nam</b>		cái	211
	<p>- Màu sắc: Xanh tím than</p> <p>- Kiểu dáng: Cạp rời có quai nhê</p> <p>+ Thân trước không ly hoặc có ly, có 2 túi chéo và 1 túi phone may bên trong túi lót, có lót gồi. Thân sau có 2 túi hậu 2 viền và có may 2 chiết ly, có 6 dây vắt ngang</p> <p>- Quy cách may: Chỉ may chính, chỉ vắt sổ loại 80/3; mật độ mũi chỉ: 4,5 - 5 mũi/1cm; các đường may thẳng, đều, không quần mép, không tuột đứt chỉ, lại mũi ở đầu và cuối đường may 1cm, các đường mí, đều thẳng đều, đúng cự ly.</p>	<p>- Thành phần nguyên liệu: 80% Polyeste, 15% rayon, 5% spandex (<math>\pm 2</math>)</p> <p>- Kiểu dệt: vân chéo 2/2</p> <p>- Khối lượng: 251g/m<sup>2</sup> (<math>\pm 3</math>)</p> <p>- Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 490; Ngang: 381 (<math>\pm 5</math>)</p> <p>- Chỉ số sợi tách từ vải: Dọc(Ne)28,7/1, Ngang(Ne)249 (<math>\pm 2</math>)</p> <p>- Độ bền kéo đứt: Dọc (N)&gt;1355; Ngang (N)&gt;945</p> <p>- Độ bền xé rách: Dọc (N)&gt;55; Ngang (N)&gt;100</p> <p>- Độ vón rút của vải sau 7200 vòng (cấp) <math>\geq 4</math></p> <p>- Thay đổi kích thước sau giặt 40<sup>0</sup>C và làm khô %: Dọc -0.5; Ngang 0</p> <p>- Ngoại quan của vải sau giặt 40<sup>0</sup>C và làm khô (cấp): SA-4.0</p>		



STT	Sản phẩm/Quy cách	Tiêu chuẩn kỹ thuật vải	ĐVT	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ bền màu giặt 40<sup>0</sup>C (Cấp) ≥ 4</li> <li>- Độ bền màu mồ hôi, axit (cấp) ≥ 3</li> <li>- Độ bền màu mồ hôi, kiềm (cấp) ≥ 3</li> <li>- Độ bền màu ma sát (cấp) ≥ 3</li> <li>- Không có hàm lượng formaldehyt.</li> </ul>		
4	<b>Áo vest nam</b>		cái	211
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Màu sắc: Xanh tím than</li> <li>- Kiểu dáng: Áo có 2 cúc nẹp, vạt lượn tròn. Cổ 2 ve, có đột cổ + ve nẹp bằng chỉ đồng màu vải chính</li> <li>+ Thân trước có 1 túi coi ngực bên trái khi mặc</li> <li>+ Mỗi bên thân trước có 1 túi coi 2 viên có nắp, có đột nắp túi và bộ coi túi bằng chỉ đồng màu vải chính</li> <li>+ Thân sau có 2 bên xẻ sườn</li> <li>+ Áo có 1 lớp lót. Mỗi bên thân trước lót có 2 túi coi 2 viên, có bộ coi túi bằng chỉ phối, túi coi lót bên phải khi mặc có đáp khuy. Áo có đáp nách để thấm mồ hôi. Mỗi bên tay áo đính 4 cúc trang trí.</li> <li>+ Thân trước lót bên trái khi mặc có 2 túi phone; thân sau lót có may súp giữa sống lưng; ve nẹp lót có đột trang trí bằng chỉ phối. Lót thân áo có đột logo nhà sản xuất</li> <li>- Quy cách may: Chỉ may chính, chỉ vắt sổ loại 80/3; mật độ mũi chỉ: 4,5 - 5 mũi/1cm; các đường may thẳng, đều, không quăn mép, không tuột đứt chỉ, lại mũi ở đầu và cuối đường may 1cm; các đường mí, diều thẳng đều, đúng cự ly</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần nguyên liệu: 80% Polyeste, 15% rayon, 5% spandex (±2)</li> <li>- Kiểu dệt: vân chéo 2/2</li> <li>- Khối lượng: 251g/m<sup>2</sup> (±3)</li> <li>- Mật độ (sợi/10cm): Dọc:490; Ngang:381 (±5)</li> <li>- Chi số sợi tách từ vải: Dọc(Ne)28,7/1, Ngang(Ne)249 (±2)</li> <li>- Độ bền kéo đứt: Dọc (N)&gt;1355; Ngang (N)&gt;945</li> <li>- Độ bền xé rách: Dọc (N)&gt;55; Ngang (N)&gt;100</li> <li>- Độ vón rút của vải sau 7200 vòng(cấp) ≥ 4</li> <li>- Độ bền màu giặt 40<sup>0</sup>C (Cấp) ≥ 4</li> <li>- Độ bền màu mồ hôi, axit (cấp) ≥ 3</li> <li>- Độ bền màu mồ hôi, kiềm (cấp) ≥ 3</li> <li>- Độ bền màu ma sát (cấp) ≥ 3</li> <li>- Thay đổi kích thước sau giặt 40<sup>0</sup>C và làm khô %: Dọc -0.5; Ngang 0</li> <li>- Ngoại quan của vải sau giặt 40<sup>0</sup>C và làm khô (cấp): SA-4.0</li> <li>- Không có hàm lượng formaldehyt.</li> </ul>		



STT	Sản phẩm/Quy cách	Tiêu chuẩn kỹ thuật vải	ĐVT	Số lượng
5	<b>Sơ mi dài tay nữ</b>		cái	62
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Màu sắc: Xanh da trời</li> <li>- Kiểu dáng: Cổ đực, nẹp liền, gấu hơi lượn, bác tay tròn đỉnh 1 cúc</li> <li>+ Thân trước nẹp liền, có 6 cúc nẹp và 1 cúc chân cổ</li> <li>+ Thêu logo chữ Quawaco ở ngực trái theo mẫu; kích thước 13.1 X 40.2 mm</li> <li>- Quy cách may: Chỉ may chính, chỉ vắt sổ loại 60/2; mật độ mũi chỉ: 6 mũi/1cm; các đường may thẳng, đều, không quần mép, không tuột đứt chỉ, lại mũi ở đầu và cuối đường may 1cm, các đường mí, diễu thẳng đều, đúng cự ly.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần nguyên liệu: 48% Polyeste, 52% rayon (<math>\pm 2</math>)</li> <li>- Kiểu dệt: vân chéo 3/1 kết hợp vân điểm.</li> <li>- Khối lượng: 158g/m<sup>2</sup> (<math>\pm 3</math>)</li> <li>- Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 648; Ngang: 456 (<math>\pm 5</math>)</li> <li>- Chỉ số sợi tách từ vải: Dọc(Ne)47,5/1, Ngang(Ne)46,4/1 (<math>\pm 2</math>)</li> <li>- Độ bền kéo đứt: Dọc (N)&gt;830; Ngang (N)&gt;595</li> <li>- Độ bền xé rách: Dọc (N)&gt;24; Ngang (N)&gt;15</li> <li>- Độ vón rút của vải sau 7200 vòng(cấp) <math>\geq 4</math></li> <li>- Thay đổi kích thước sau giặt 40<sup>0</sup>C và làm khô %: Dọc -0.5; Ngang 0</li> <li>- Ngoại quan của vải sau giặt 40<sup>0</sup>C và làm khô (cấp): SA-4.0</li> <li>- Độ bền màu giặt 40<sup>0</sup>C (cấp) <math>\geq 4</math></li> <li>- Độ bền màu mồ hôi, axit (cấp) <math>\geq 4</math></li> <li>- Độ bền màu mồ hôi, kiềm (cấp) <math>\geq 4</math></li> <li>- Độ bền màu ma sát (cấp) <math>\geq 4</math></li> <li>- Không có hàm lượng formaldehyt.</li> </ul>		
6	<b>Sơ mi ngắn tay nữ</b>		cái	131
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Màu sắc: Xanh da trời</li> <li>- Kiểu dáng: Cổ đực, nẹp liền, gấu hơi lượn.</li> <li>+ Thân trước nẹp liền, có 6 cúc nẹp và 1 cúc chân cổ</li> <li>+ Thêu logo chữ Quawaco ở ngực trái theo mẫu; kích thước 13.1 X 40.2 mm</li> <li>- Quy cách may: Chỉ may chính, chỉ vắt sổ loại 60/2; mật độ mũi chỉ: 6 mũi/1cm; các đường may thẳng, đều, không quần mép, không tuột đứt chỉ, lại mũi ở đầu và cuối đường may 1cm, các đường mí, diễu thẳng đều, đúng cự ly</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần nguyên liệu: 48% Polyeste, 52% rayon (<math>\pm 2</math>)</li> <li>- Kiểu dệt: vân chéo 3/1 kết hợp vân điểm.</li> <li>- Khối lượng: 158g/m<sup>2</sup> (<math>\pm 3</math>)</li> <li>- Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 648; Ngang: 456 (<math>\pm 5</math>)</li> <li>- Chỉ số sợi tách từ vải: Dọc(Ne)47,5/1, Ngang(Ne)46,4/1 (<math>\pm 2</math>)</li> <li>- Độ bền kéo đứt: Dọc (N)&gt;830; Ngang (N)&gt;595</li> <li>- Độ bền xé rách: Dọc (N)&gt;24; Ngang (N)&gt;15</li> <li>- Độ vón rút của vải sau 7200 vòng(cấp) <math>\geq 4</math></li> </ul>		



STT	Sản phẩm/Quy cách	Tiêu chuẩn kỹ thuật vải	ĐVT	Số lượng
7	<b>Chân váy nữ</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thay đổi kích thước sau giặt 40<sup>0</sup>C và làm khô %: Dọc -0.5; Ngang 0</li> <li>- Ngoại quan của vải sau giặt 40<sup>0</sup>C và làm khô (cấp): SA-4.0</li> <li>- Độ bền màu giặt 40<sup>0</sup>C (cấp) ≥ 4</li> <li>- Độ bền màu mồ hôi, axit (cấp) ≥ 4</li> <li>- Độ bền màu mồ hôi, kiềm (cấp) ≥ 4</li> <li>- Độ bền màu ma sát (cấp) ≥ 4</li> <li>- Không có hàm lượng formaldehyt.</li> </ul>	cái	205
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Màu sắc: Xanh tím than</li> <li>- Kiểu dáng: + Chân váy dáng ôm vừa, có lót. Thân trước có 2 túi chéo, có chiết ly thân trước. Thân sau có khóa kéo và có 2 chiết ly, xẻ sau.</li> <li>- Quy cách may: Chỉ may chính, chỉ vắt sổ loại 80/3; mật độ mũi chỉ: 4,5 - 5 mũi/1cm; các đường may thẳng, đều, không quần mép, không tuột đứt chỉ, lại mũi ở đầu và cuối đường may 1cm; các đường mí, diễu thẳng đều, đúng cự ly.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần nguyên liệu: 80% Polyeste, 15%rayon, 5%spandex (±2)</li> <li>- Kiểu dệt: vân chéo 2/2</li> <li>- Khối lượng: 251g/m<sup>2</sup> (±3)</li> <li>- Mật độ (sợi/10cm): Dọc:490; Ngang:381 (±5)</li> <li>- Chi số sợi tách từ vải: Dọc(Ne)28,7/1, Ngang(Ne)249 (±2)</li> <li>- Độ bền kéo đứt: Dọc (N)&gt;1355; Ngang (N)&gt;945</li> <li>- Độ bền xé rách: Dọc (N)&gt;55; Ngang (N)&gt;100</li> <li>- Độ vón rút của vải sau 7200 vòng(cấp) ≥ 4</li> <li>- Độ bền màu giặt 40<sup>0</sup>C (Cấp) ≥ 4</li> <li>- Độ bền màu mồ hôi, axit (cấp) ≥ 3</li> <li>- Độ bền màu mồ hôi, kiềm (cấp) ≥ 3</li> <li>- Độ bền màu ma sát (cấp) ≥ 3</li> <li>- Thay đổi kích thước sau giặt 40<sup>0</sup>C và làm khô %: Dọc -0.5; Ngang 0</li> <li>- Ngoại quan của vải sau giặt 40<sup>0</sup>C và làm khô (cấp): SA-4.0</li> <li>- Không có hàm lượng formaldehyt.</li> </ul>		

STT	Sản phẩm/Quy cách	Tiêu chuẩn kỹ thuật vải	ĐVT	Số lượng
8	<b>Áo vest nữ</b>		cái	205
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Màu sắc: Xanh tím than</li> <li>- Kiểu dáng: Áo vest nữ cổ 2 ve, áo có 2 cúc nép, vạt tròn. Thân trước có chiết eo và 2 túi có nắp. Thân sau bỏ cúp. Mỗi bên tay áo đính 3 cúc trang trí. Áo có 1 lớp lót, có lé và đột chỉ trang trí. Bên trong có túi coi nhỏ. Lót thân áo có đột logo nhà sản xuất</li> <li>- Quy cách may: Chỉ may chính, chỉ vắt sổ loại 80/3; mật độ mũi chỉ: 4,5 - 5 mũi/1cm; các đường may thẳng, đều, không quần mép, không tuột đứt chỉ, lại mũi ở đầu và cuối đường may 1cm; các đường mí, diều thẳng đều, đúng cự ly</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần nguyên liệu: 80% Polyeste, 15%rayon, 5%spandex (<math>\pm 2</math>)</li> <li>- Kiểu dệt: vân chéo 2/2</li> <li>- Khối lượng: 251g/m<sup>2</sup> (<math>\pm 3</math>)</li> <li>- Mật độ (sợi/10cm): Dọc:490; Ngang:381 (<math>\pm 5</math>)</li> <li>- Chi số sợi tách từ vải: Dọc(Ne)28,7/1, Ngang(Ne)249 (<math>\pm 2</math>)</li> <li>- Độ bền kéo đứt: Dọc (N)&gt;1355; Ngang (N)&gt;945</li> <li>- Độ bền xé rách: Dọc (N)&gt;55; Ngang (N)&gt;100</li> <li>- Độ vón rút của vải sau 7200 vòng(cấp) <math>\geq 4</math></li> <li>- Độ bền màu giặt 40<sup>0</sup>C (Cấp) <math>\geq 4</math></li> <li>- Độ bền màu mồ hôi, axit (cấp) <math>\geq 3</math></li> <li>- Độ bền màu mồ hôi, kiềm (cấp) <math>\geq 3</math></li> <li>- Độ bền màu ma sát (cấp) <math>\geq 3</math></li> <li>- Thay đổi kích thước sau giặt 40<sup>0</sup>C và làm khô %: Dọc -0.5; Ngang 0</li> <li>- Ngoại quan của vải sau giặt 40<sup>0</sup>C và làm khô (cấp): SA-4.0</li> <li>- Không có hàm lượng formaldehyt.</li> </ul>		

## 2. Địa điểm giao nhận hàng hóa:

Tại Trụ sở Văn phòng Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh – Số 449 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

**3. Thời gian bảo hành hàng hóa:** ít nhất 06 tháng kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu bàn giao sản phẩm.

**4. Thời gian giao hàng hóa:** Dự kiến vào ngày 15/10/2024.

**5. Giá tạm ứng và thanh toán:** Không quá 20% giá trị hợp đồng.



## II. Nội dung, hình thức báo giá

- Báo giá được bố cục theo bảng sau:

STT	Sản phẩm	ĐVT	SL	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
1	- Tên sản phẩm - Chất liệu - Kiểu dáng - Xuất xứ					
	<b>Tổng trước VAT</b>					
	Thuế VAT					
	<b>Tổng giá trị sau VAT</b>					
	<i>Báo giá có hiệu lực trong.....ngày</i>					

- Giá trên đã bao gồm công đo, chi phí vận chuyển, giao hàng và thuế GTGT.

- Hình thức gửi báo giá: Bản cứng và bản mềm quét PDF (đã đóng dấu và gửi qua email), có thể gửi kèm tài liệu và catalogue (nếu có).

## III. Thông tin của đơn vị yêu cầu chào giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh.

Địa chỉ: số 449 đường Nguyễn Văn Cừ, P. Hồng Hải, Tp Hạ Long, Quảng Ninh.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ và Tên: Nguyễn Thanh Huyền. SĐT: 0855.199.618

- Đơn vị công tác: Văn phòng Công ty - Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh.

- Email: Huyenao196@gmail.com.

3. Thời gian nhận báo giá: kể từ ngày nhận báo giá đến hết ngày 31/7/2024.

Rất mong nhận được sự hợp tác của các Quý doanh nghiệp./.

### Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu: VP.

**CHÁNH VĂN PHÒNG**



**Trần Thu Hà**